TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Hồng.

2. Bà Đặng Thị Mỹ Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 790/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kim Thị K, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Anh Bạch Ngọc Hồng T, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kim Thị K trình bày:

Qua tìm hiểu, chị và anh Bạch Ngọc Hồng T kết hôn với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/02/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ những việc nhỏ nhặt do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về việc nuôi dạy con cái. Chị và anh T đã cố hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh T có hai con chung tên Bạch Kim Hoàng A, sinh ngày 19/02/2005 và Bạch Kim Hoàng P, sinh ngày 02/3/2006. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn anh Bạch Ngọc Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nội dung đơn khởi kiện của chị K, đã nhận được các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do chị K nộp, đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ của Tòa án nhưng anh T vắng mặt không nộp văn bản thể hiện ý kiến, không nộp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu ly hôn của chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Kim Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bạch Ngọc Hồng T đang cư trú tại xã P, huyện G, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Kim Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bạch Ngọc Hồng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh T.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Kim Thị K thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị K và anh Bạch Ngọc Hồng T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103, quyển số I ngày 19/02/2003 nên xác định hôn nhân giữa chị K và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị K cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình chung sống giữa chị K và anh T phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng nhau, anh chị không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã sống ly thân. Đồng thời qua các lần triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng thì anh T vắng mặt thể hiện không có thiện chí để hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị K và anh T không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, cho chị K và anh T ly hôn.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị K và anh T có hai con chung tên Bạch Kim Hoàng A, sinh ngày 19/02/2005 (đã thành niên) và Bạch Kim Hoàng P, sinh ngày 02/3/2006. Khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi con chung. Con chung Bạch Kim Hoàng P có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng chị K, anh T không có ý kiến gì nên giao con chung Bạch Kim Hoàng P cho chị K nuôi dưỡng và ghi nhận chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Kim Thị K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị K về việc yêu cầu ly hôn với anh Bạch Ngọc Hồng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị K được ly hôn với anh Bạch Ngọc Hồng T.

- Về con chung: Chị Kim Thị K và anh Bạch Ngọc Hồng T có con chung tên Bạch Kim Hoàng A, sinh ngày 19/02/2005 (đã thành niên) và Bạch Kim Hoàng P, sinh ngày 02/3/2006.

Giao con chung Bạch Kim Hoàng P, sinh ngày 02/3/2006 cho chị Kim Thị K tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận tạm thời anh Bạch Ngọc Hồng T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bạch Ngọc Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Kim Thị K chịu 300.000đồng án phí, được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí do chị K nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu số 0011465 ngày 13/12/2022 sang thi hành án phí. Chị Kim Thị K đã nộp xong án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn chịu Kim Thị K, bị đơn anh Bạch Ngọc Hồng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**